

**TÔNG CÔNG TY  
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 54



# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### 1. Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành
- Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc
- Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đô Thành
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Hà Nội
- Nhà máy ô tô thương mại Samco.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mỡ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm 2018, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

### 2. Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên (đến ngày 11/02/2018)
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên (từ ngày 12/02/2018)
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên (đến ngày 12/02/2018)

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23/09/2018)
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Võ Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên (đến ngày 15/07/2018)
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Võ Ngọc Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên (từ ngày 16/07/2018)

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22/11/2018)

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**7. Công bố các báo cáo tài chính**

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Ông HỒ TRỌNG TIẾN**  
**Phó Tổng Giám Đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019



Số: 243/2019/BCKT-HCM.00147

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẶC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

*Phạm Thị Ngọc Liên*

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2018-009-1



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.868.530.200.165</b>	<b>1.897.241.632.417</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>78.172.174.425</b>	<b>471.349.890.185</b>
Tiền	111		78.172.174.425	467.959.304.310
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.390.585.875
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>698.030.020.211</b>	<b>655.305.238.766</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	426.427.574.869	461.946.355.303
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	109.670.576.150	35.773.719.681
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.203.286.634	3.203.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	180.933.533.733	173.644.175.811
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(25.222.522.998)	(22.280.766.974)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.017.571.823	3.018.468.311
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>1.057.061.387.072</b>	<b>763.361.974.510</b>
Hàng tồn kho	141		1.057.061.387.072	763.361.974.510
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.266.618.457</b>	<b>7.224.528.956</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		325.724.680	87.865.063
Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.693.043.313	1.127.013.228
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	247.850.464	6.009.650.665
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.911.250.210.533</b>	<b>2.652.434.461.046</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.667.293.140</b>	<b>32.791.169.404</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thu c	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	30.667.293.140	32.791.169.404
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>647.013.138.881</b>	<b>687.928.248.292</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	645.655.599.302	686.288.474.715
Nguyên giá	222		1.079.172.218.637	1.048.329.421.119
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.516.619.335)	(362.040.946.404)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.357.539.579	1.639.773.577
Nguyên giá	228		5.608.589.002	5.259.647.002
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.251.049.423)	(3.619.873.425)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>847.243.540.004</b>	<b>505.887.009.823</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	847.243.540.004	505.887.009.823
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>1.328.523.245.034</b>	<b>1.349.180.132.995</b>
Đầu tư vào công ty con	251		464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		914.717.399.892	914.717.399.892
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.281.857.072)	(30.624.969.111)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.802.993.474</b>	<b>76.647.900.532</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	57.802.993.474	76.647.900.532
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.779.780.410.698</b>	<b>4.549.676.093.463</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.561.908.320.949</b>	<b>2.344.011.953.561</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.686.675.613.495</b>	<b>1.627.826.425.363</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	206.213.015.332	258.472.855.634
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	89.082.647.662	52.752.876.291
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	254.208.613.944	301.406.346.114
Phải trả người lao động	314		92.994.429.172	139.440.523.066
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.086.138.732	2.111.561.436
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17.1	356.961.779	241.148.167
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	14.048.046.522	18.245.763.244
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	784.554.293.695	602.595.814.036
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	235.131.466.657	252.559.537.375
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>875.232.707.454</b>	<b>716.185.528.198</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17.2	158.063.419.160	165.101.559.964
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	381.678.282.283	381.691.581.247
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	289.928.183.733	118.335.239.385
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		45.562.822.278	51.057.147.602


**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**


Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.217.872.089.749</b>	<b>2.205.664.139.902</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.21	<b>2.217.872.089.749</b>	<b>2.205.664.139.902</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.796.569.000.000	1.754.858.280.515
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		415.987.257.797	303.523.491.673
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		5.315.831.952	161.357.400.554
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	(14.075.032.840)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		-	(14.075.032.840)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.779.780.410.698</b>	<b>4.549.676.093.463</b>

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
 Người lập biểu

  
**PHẠM HOÀNG HIỆP**  
 Kế toán trưởng




  
**HỒ TRỌNG TIẾN**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019


**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

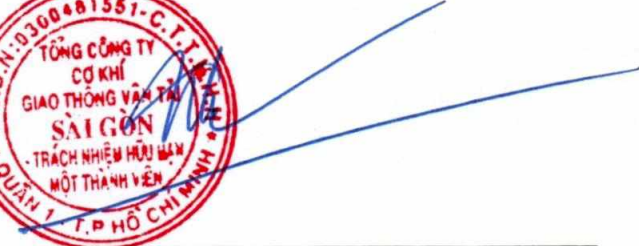
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.598.465.622.978	5.864.966.545.411
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	4.598.465.622.978	5.864.966.545.411
Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.319.407.802.906	5.518.207.627.083
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>279.057.820.072</b>	<b>346.758.918.328</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.212.660.634	634.987.927.772
Chi phí tài chính	22	6.4	55.337.134.388	40.483.071.707
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		34.646.060.943	39.189.755.195
Chi phí bán hàng	25	6.5	165.143.922.758	177.668.132.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	128.166.799.021	195.500.755.829
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(67.377.375.461)</b>	<b>568.094.886.138</b>
Thu nhập khác	31	6.7	591.591.210.154	78.373.287.170
Chi phí khác	32	6.8	8.833.043.732	6.327.763.186
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>582.758.166.422</b>	<b>72.045.523.984</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>515.380.790.961</b>	<b>640.140.410.122</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	131.165.151	45.619.849.402
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>515.249.625.810</b>	<b>594.520.560.720</b>

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
Người lập biểu

  
**PHẠM HOÀNG HIỆP**  
Kế toán trưởng

  
**HỒ TRỌNG TIẾN**  
Phó Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 - 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	515.380.790.961	640.140.410.122
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	80.168.642.485	78.732.024.374
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	23.598.643.985	486.838.150
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(51.760.912)	2.410.611
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(558.992.687.925)	(373.201.450.135)
Chi phí lãi vay	06	34.646.060.943	39.189.755.195
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	7.400.000.000
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>94.749.689.537</b>	<b>392.749.988.317</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	302.442.095.118	(54.866.656.304)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(293.699.412.562)	(113.161.132.964)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, (Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	(115.735.173.521)	(197.236.178.689)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	12	18.607.047.441	(35.098.747.114)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Tiền thu thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(34.646.060.943)	(39.189.755.195)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(18.633.949.477)	(6.019.596.903)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	676.786.972	1.615.864.267
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(198.365.073.364)	(25.745.779.006)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(244.604.050.799)</b>	<b>(76.951.993.591)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(388.554.979.890)	(184.082.485.065)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(54.194.689.190)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.542.250.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	185.212.971.251	382.071.035.351
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(203.342.008.639)</b>	<b>147.136.111.096</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.215.418.630.772	9.060.906.447.088
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.861.867.206.765)	(9.042.731.469.683)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(298.834.841.241)	(287.819.672.531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>54.716.582.766</b>	<b>(269.644.695.126)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(393.229.476.672)</b>	<b>(199.460.577.621)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>471.349.890.185</b>	<b>670.812.878.417</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	51.760.912	(2.410.611)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>78.172.174.425</b>	<b>471.349.890.185</b>

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
 Người lập biểu

  
**PHẠM HOÀNG HIỆP**  
 Kế toán trưởng

  
**HỒ TRỌNG TIẾN**  
 Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2018, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

#### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc Tổng Công ty

##### Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Số 163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

**Công ty liên doanh**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	16,17%	16,17%	16,17%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	42,1%	42,1%	42,1%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.276 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.365 người).

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ban Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

#### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### **Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

030  
C  
RACH  
KI  
AFC

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

#### Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

#### **4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

#### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

#### **4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **4.15 Tiền lương**

Căn cứ vào Thông báo số 268/TB-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của Tổng Công ty.

### **4.16 Các khoản trích theo lương**

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương tối thiểu vùng vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.18 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

#### **Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu từ xây dựng**

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Thu nhập khác**

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác

#### **Cổ tức, Lợi nhuận còn lại**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.19 Giá vốn**

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp. Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyển theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

### **4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

### **4.21 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.22 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Phú Định	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Ô tô Vận Tải Số 1	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Công Trình Giao thông Quận 8	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	13.284.620.086	10.807.521.826
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	62.346.001.030	454.715.181.206
- USD (*)	2.541.553.309	2.436.601.278
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	-	3.390.585.875
	<b>78.172.174.425</b>	<b>471.349.890.185</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(\*) Số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 109.786,32 USD, tương đương 2.541.553.309 VND.

**5.2 Các khoản đầu tư**

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	(a) 464.887.702.214	464.887.702.214
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b) 914.717.399.892	914.717.399.892
Dự phòng giảm giá đầu tư	(51.281.857.072)	(30.624.969.111)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(c) 200.000.000	200.000.000
	<u><b>1.328.523.245.034</b></u>	<u><b>1.349.180.132.995</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	(*)	246.455.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	72.000.000.000	-	(*)	72.000.000.000	-	(*)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)	23.057.302.214	(23.057.302.214)	(*)
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	(*)	3.836.500.000	-	(*)
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	25.500.000.000	-	(*)	25.500.000.000	-	(*)
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	12.750.000.000	-	-	12.750.000.000	-	204.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	81.288.900.000	-	(*)	81.288.900.000	-	(*)
	<b>464.887.702.214</b>	<b>(23.057.302.214)</b>		<b>464.887.702.214</b>	<b>(23.057.302.214)</b>	

**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên doanh</b>						
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	93.935.921.750	-	(*)	93.935.921.750	-	(*)
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	22.007.742.521	(1.438.251.072)	(*)	22.007.742.521	-	(*)
<b>Công ty liên kết</b>						
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	294.000.000.000	(10.501.627.848)	(*)	294.000.000.000	-	(*)
Công ty CP Cảng Phú Định	161.700.000.000	-	(*)	161.700.000.000	-	(*)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	29.400.000.000	(2.365.580.382)	(*)	29.400.000.000	(2.077.833.901)	(*)
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	4.906.169.190	(4.098.985.367)	(*)	4.906.169.190	(4.122.005.146)	(*)
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	(8.452.282.339)	(*)	48.000.000.000	-	(*)
Công ty CP Ô tô An Thái	9.200.000.000	-	(*)	9.200.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	86.406.452.000	-	(*)	86.406.452.000	-	(*)
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700	-	(*)	11.050.123.700	-	(*)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)	1.367.827.850	(1.367.827.850)	(*)
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	13.839.425.000	-	(*)	13.839.425.000	-	(*)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	(*)	88.536.000.000	-	(*)
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	16.977.737.881	-	(*)	16.977.737.881	-	(*)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	(*)	33.390.000.000	-	(*)
	<b>914.717.399.892</b>	<b>(28.224.554.858)</b>		<b>914.717.399.892</b>	<b>(7.567.666.897)</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(c) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	3.128.502.993	3.204.318.792
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	-	2.600.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	12.883.576	17.412.000.000
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.164.076.695	1.918.566.167
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	8.764.290	30.137.360
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	164.745.641	102.052.034
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	24.283.634.324	2.920.000.000
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	2.724.920	-
<b>Các tổ chức khác</b>		
Hợp tác xã vận tải số 26	63.470.000.000	-
Công ty CP XD TM Phú Mỹ Lợi	56.445.868.776	-
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định V.N	-	99.759.296.960
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	54.207.780.000
Các khách hàng khác	277.746.373.654	282.389.603.990
	<b>426.427.574.869</b>	<b>461.946.355.303</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>01/01/2018</b> VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	430.900.000	3.406.427.270
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	500.000	500.000
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	-	148.715.584
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	26.292.019.547	-
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty CP Thang máy và Đầu tư HTC	11.400.000.000	-
Công ty CP Kiến trúc Đồng Nhân	25.234.488.975	-
Các nhà cung cấp khác	34.312.667.628	20.218.076.827
	<b><u>109.670.576.150</u></b>	<b><u>35.773.719.681</u></b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>01/01/2018</b> VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	<b><u>3.203.286.634</u></b>	<b><u>3.203.286.634</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>				
<i>Phải thu lãi cho vay</i>				
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	-	-	-	-
Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	777.273.863	(777.273.863)	777.273.863	(777.273.863)
<i>Lợi nhuận, cổ tức được chia</i>				
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	90.568.332.949	-	81.218.630.552	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	42.265.989.011	-	46.791.083.735	-
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	-	-	2.550.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	-	-	2.550.000.000	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	-	-	959.125.000	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	-	-	2.940.000.000	-
Công ty CP Bến bãi Sài Gòn	10.200.000.000	-	-	-
<i>Cầm cố, ký quỹ ngắn hạn</i>				
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	30.000.000	-	-	-
<i>Phải thu khác – dịch vụ cung cấp</i>				
Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	-	-	1.090.909.091	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	381.394.079	-	119.953.511	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
<b>Các đối tượng khác</b>				
Bảo hiểm y tế	249.183.977	-	258.464.354	-
Bảo hiểm thất nghiệp	175.463.944	-	179.139.672	-
Tạm ứng	14.804.608.567	-	9.603.315.147	-
Ký quỹ khác	3.003.300.001	(39.300.000)	3.555.881.454	(39.300.000)
Các khoản phải thu khác	18.354.381.551	(1.879.058.238)	20.926.793.641	(1.879.058.238)
	<b>180.933.533.733</b>	<b>(2.819.237.892)</b>	<b>173.644.175.811</b>	<b>(2.819.237.892)</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Thị xã Dĩ An	-	-	1.624.369.264	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9	-	-	507.507.000	-
Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	28.800.000.000	-	28.800.000.000	-
Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Các khoản phải thu khác	792.245.000	-	784.245.000	-
	<b>30.667.293.140</b>	-	<b>32.791.169.404</b>	-

**TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2018			01/01/2018		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>						
Công ty CP Bến Xe Miền Tây – Phải thu thương mại	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)	Trên 3 năm	2.600.000	(2.600.000)
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn – Phải thu thương mại	Trên 3 năm	3.128.502.993	(3.128.502.993)	Trên 3 năm	3.204.318.792	(3.204.318.792)
– Phải thu khác	Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)	Trên 3 năm	3.614.273.863	(3.614.273.863)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn – Phải thu khác	Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)	Trên 3 năm	489.892.425	(489.892.425)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam – ứng trước	Trên 3 năm	619.490.295	(619.490.295)	Trên 2 năm	619.490.295	(619.490.295)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN – phải thu thương mại	Trên 3 năm	8.764.290	(8.764.290)		8.764.290	(8.764.290)
Công ty CP Đóng tàu An Phú	Trên 3 năm	3.003.510.390	(3.003.510.390)		-	-
<b>Các khách hàng khác</b>						
Công ty TNHH Quốc Đạt	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)	Trên 3 năm	5.128.185.922	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phương Hoàng	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)	Trên 3 năm	3.122.999.995	(3.122.999.995)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	6.104.302.825	(6.104.302.825)	Trên 3 năm	6.090.241.392	(6.090.241.392)
		<b>25.222.522.998</b>	<b>(25.222.522.998)</b>		<b>22.280.766.974</b>	<b>(22.280.766.974)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	22.280.766.974	21.336.175.635
Trích lập trong năm	3.017.571.823	944.591.339
Hoàn nhập trong năm	(75.815.799)	-
Số dư cuối năm	<b>25.222.522.998</b>	<b>22.280.766.974</b>





**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.8 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	10.069.684.956	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	321.907.846.956	-	317.249.936.501	-
Công cụ dụng cụ	247.258.979	-	646.105.724	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	54.695.257.874	-	17.622.322.576	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	2.032.993.189	-	949.971.152	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	126.945.982.965	-	109.317.501.929	-
Thành phẩm	383.250.807.279	-	188.593.660.022	-
Hàng hóa	155.739.797.427	-	126.791.547.631	-
Hàng gửi đi bán	2.171.757.447	-	2.190.928.975	-
	<b>1.057.061.387.072</b>	<b>-</b>	<b>763.361.974.510</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2018	728.682.935.667	189.481.741.005	48.346.453.576	16.420.329.446	65.397.961.425	1.048.329.421.119
Mua sắm trong năm	-	6.989.878.364	10.706.546.109	386.461.200	591.428.600	18.674.314.273
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.813.602.985	6.034.993.955	-	-	4.068.875.841	20.917.472.781
Tặng khác	1.786.467.613	8.898.557.350	7.118.499.927	42.613.390	-	17.846.138.280
Giảm do thanh lý	(177.064.830)	(5.286.654.250)	(2.321.007.316)	(489.203.761)	(475.059.378)	(8.748.989.535)
Giảm khác	<u>(1.786.467.613)</u>	<u>(8.898.557.350)</u>	<u>(7.118.499.927)</u>	<u>(42.613.390)</u>	-	<u>(17.846.138.280)</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>739.319.473.822</u>	<u>197.219.959.074</u>	<u>56.731.992.368</u>	<u>16.317.586.885</u>	<u>69.583.206.488</u>	<b><u>1.079.172.218.637</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2018	170.844.846.978	107.394.863.386	25.092.787.732	12.926.849.393	45.781.598.915	362.040.946.404
Khấu hao trong năm	30.654.658.917	25.140.509.015	10.153.003.352	1.996.378.201	11.592.917.002	79.537.466.487
Tặng khác	1.654.898.571	5.327.446.652	2.674.924.378	42.613.390	272.456.023	9.972.339.014
Giảm do thanh lý	(177.064.830)	(5.286.654.250)	(2.321.007.316)	(489.203.761)	(465.789.845)	(8.739.720.002)
Giảm khác	<u>(1.464.023.642)</u>	<u>(5.112.851.158)</u>	<u>(2.674.924.378)</u>	<u>(42.613.390)</u>	-	<u>(9.294.412.568)</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>201.513.315.994</u>	<u>127.463.313.645</u>	<u>32.924.783.768</u>	<u>14.434.023.833</u>	<u>57.181.182.095</u>	<b><u>433.516.619.335</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2018	<u>557.838.088.689</u>	<u>82.086.877.619</u>	<u>23.253.665.844</u>	<u>3.493.480.053</u>	<u>19.616.362.510</u>	<u>686.288.474.715</u>
Tại ngày 31/12/2018	<u>537.806.157.828</u>	<u>69.756.645.429</u>	<u>23.807.208.600</u>	<u>1.883.563.052</u>	<u>12.402.024.393</u>	<b><u>645.655.599.302</u></b>
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	52.035.605.079	53.108.942.582	7.693.171.028	10.511.120.231	8.210.140.970	<b>131.558.979.890</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 299.498.652.559 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 324.189.935.480 VND).

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2018	5.259.647.002
Mua sắm trong năm	177.942.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	171.000.000
Tại ngày 31/12/2018	<b>5.608.589.002</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2018	3.619.873.425
Khấu hao tăng trong năm	631.175.998
Tại ngày 31/12/2018	<b>4.251.049.423</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2018	1.639.773.577
Tại ngày 31/12/2018	<b>1.357.539.579</b>

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 2.261.547.002 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng vẫn còn sử dụng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.261.547.002 VND).

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số dư tại ngày 01/01/2018 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển chi phí VND	Kết chuyển khác VND	Số dư tại ngày 31/12/2018 VND
Xây dựng Bến xe Miền Đông Mới	499.538.494.477	299.702.374.644	-	-	-	799.240.869.121
Các công trình khác	6.348.515.346	70.000.348.973	(21.088.472.781)	(867.917.282)	(6.389.803.373)	48.002.670.883
	<b>505.887.009.823</b>	<b>369.702.723.617</b>	<b>(21.088.472.781)</b>	<b>(867.917.282)</b>	<b>(6.389.803.373)</b>	<b>847.243.540.004</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền thuê đất	50.794.636.161	76.647.900.532
Khác	7.008.357.313	-
	<u>57.802.993.474</u>	<u>76.647.900.532</u>

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	184.982.947	-
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	328.119.068	59.450.000
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	30.464.917.800	57.340.269.401
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	604.512.154	513.840.922
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	2.346.545.454	4.266.363.638
Công ty CP Hoà Phú	36.149.000	48.747.270
Công ty CP Ô tô An Thái	2.010.498	-
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	54.602.471.440	14.329.477.595
Phải trả nhà cung cấp khác	117.643.306.971	181.914.706.808
	<u>206.213.015.332</u>	<u>258.472.855.634</u>

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	20.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	-	11.907.000.000
<b>Các tổ chức khác</b>		
BQL các dự án ĐT-XD Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	17.345.643.283	-
Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 3	16.264.195.608	-
Các khách hàng khác	55.452.808.771	40.845.876.291
	<u>89.082.647.662</u>	<u>52.752.876.291</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	24.513.791.326	-	10.743.029.661	(35.256.820.987)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	13.782.146.405	(13.782.146.405)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.076.776.859	-	1.543.801.652	(5.620.578.511)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	10.793.223.590	(10.793.223.590)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.242.830.697	-	-	(18.242.830.697)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự án	292.854.253	-	131.165.151	(391.118.780)	32.900.624	-
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	-	(2.655.227.815)	15.536.964.811	(12.359.131.675)	522.605.321	-
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 5%	-	(3.093.100)	8.128.950	(8.383.150)	-	(3.347.300)
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 10%	993.645.536	-	3.339.060.331	(3.401.158.082)	931.547.785	-
Thuế tài nguyên	-	-	9.224.880	(9.224.880)	-	-
Tiền thuê đất	-	(3.351.329.750)	12.344.106.235	(9.221.288.754)	-	(228.512.269)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	43.534.004	(43.534.004)	-	-
Thuế môn bài	-	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	253.286.447.443	-	327.497.962.787	(328.078.840.911)	252.721.560.214	(15.990.895)
	<b>301.406.346.114</b>	<b>(6.009.650.665)</b>	<b>395.790.348.457</b>	<b>(437.226.280.426)</b>	<b>254.208.613.944</b>	<b>(247.850.464)</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế đối với hoạt động chính là 20%.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	515.380.790.961	640.140.410.122
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	4.495.753.736	18.552.924.065
Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(556.885.580.969)</u>	<u>(423.194.087.180)</u>
Thu nhập tính thuế TNDN	(37.009.036.272)	235.499.247.007
Trích quỹ khoa học công nghệ	-	<u>(7.400.000.000)</u>
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(37.009.036.272)	228.099.247.007
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động XSKD chính	(37.664.862.027)	225.851.896.277
Thu nhập từ hoạt động KD bất động sản	655.825.755	2.247.350.730
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	45.170.379.256
Thu nhập KD bất động sản tạm nộp thuế	131.165.151	449.470.146
Thuế TNDN phải nộp	<u>131.165.151</u>	<u>45.619.849.402</u>
<b>5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Công trình xây dựng	4.443.318.625	1.753.800.585
Bảo hành nghiệm thu xe	5.642.820.107	357.760.851
	<u>10.086.138.732</u>	<u>2.111.561.436</u>
<b>5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn</b>		
<b>5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Dịch vụ sửa chữa	356.961.779	241.148.167
	<u>356.961.779</u>	<u>241.148.167</u>
<b>5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
<b>Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng</b>		
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	103.298.249.405	108.573.053.633
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	45.970.741.577	48.159.824.513
Doanh thu công trình xây dựng	8.794.428.178	8.368.681.818
	<u>158.063.419.160</u>	<u>165.101.559.964</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	-	290.345.999
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn – nhận ký quỹ ngắn hạn	5.613.191.770	5.613.191.770
Công ty Cổ Phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn – lãi vay	-	10.684.667
Công ty Cổ Phần Bến Xe Miền Tây – lãi vay	168.020.000	160.270.000
Công ty TNHH vận tải Kumho Samco Buslines	-	7.290.000
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải Kumho Samco Buslines tại TP. Hà Nội	-	423.120.000
Công ty CP Cảng Phú Định	50.000	-
Kinh phí công đoàn	654.375.822	136.799.667
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	413.616.100	316.622.869
Nhận ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	222.900.000
Phải trả khác	7.148.792.830	11.064.538.272
	<b>14.048.046.522</b>	<b>18.245.763.244</b>

**5.18.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nhận ký quỹ dài hạn - Bên liên quan		
Công ty CP Hòa Phú	-	30.000.000
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	372.220.247.999	371.813.949.833
Các đối tượng khác	9.458.034.284	9.847.631.414
	<b>381.678.282.283</b>	<b>381.691.581.247</b>

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn****5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
- Ngân hàng	(a) 723.437.014.043	485.008.534.384
- Các đơn vị thành viên	(b) 30.000.000.000	86.000.000.000
- Kỳ phiếu nội bộ	(c) 5.480.000.000	5.950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.19.2	25.637.279.652	25.637.279.652
	<b>784.554.293.695</b>	<b>602.595.814.036</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**(a) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (1)	142.916.426.574	178.400.958.884
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – CN TP. Hồ Chí Minh (2)	187.257.650.000	75.791.980.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Sài Gòn (3)	310.871.669.069	156.842.085.500
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)	82.391.268.400	73.973.510.000
	<b><u>723.437.014.043</u></b>	<b><u>485.008.534.384</u></b>

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 207/2018-HĐCVHM/NHCT903-SAMCO ngày 17 tháng 07 năm 2018 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

- Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh  
 Thời hạn vay : 17/07/2018 đến 15/07/2019  
 Lãi suất vay : Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định (theo hợp đồng).  
 Hình thức đảm bảo : Thế chấp quyền thuê đất và toàn bộ tài sản trên đất tại 262-246 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số VNM 153309 ngày 08 tháng 08 năm 2018 từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (VN):

- Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh.  
 Thời hạn vay : Từ 08/08/2018  
 Lãi suất vay : Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND cộng với tối đa 1,75%/năm.  
 Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0126/SGN.KHDN/LD18 ngày 15 tháng 06 năm 2017 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.  
 Thời hạn vay : 15/06/2018 đến 15/06/2019  
 Lãi suất vay : Căn cứ theo thông báo lãi suất cho vay tại từng thời kì và được ghi trên từng Giấy nhận nợ  
 Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo

(4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 130-000-382807 ngày 29 tháng 01 năm 2016 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam:

- Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh  
 Thời hạn vay : 29/01/2016 đến 29/01/2017  
 Lãi suất vay : Là chi phí vốn huy động từ thị trường Của NH Shinhan 03 tháng cộng 1,07%/Năm tại thời điểm giải ngân  
 Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo

Phụ lục hợp đồng số 130-000-183471/AN04

- Thời hạn vay : 13/02/2018 đến 20/02/2019  
 Lãi suất vay : Là chi phí vốn huy động từ thị trường của ngân hàng Shinhan 03 tháng cộng 1,07%/năm tại thời điểm giải ngân.  
 Hình thức đảm bảo : Không có đảm bảo



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**(b) Chi tiết vay ngắn hạn các đơn vị thành viên**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Bến xe Miền Tây (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	-	54.000.000.000
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	-	2.000.000.000
	<b>30.000.000.000</b>	<b>86.000.000.000</b>

(\*) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn 10/HĐVV–SC ngày 26 tháng 04 năm 2018 từ Công ty CP Bến Xe Miền Tây:

Mục đích vay	:	Bổ sung vốn kinh doanh
Thời hạn vay	:	01/04/2018 đến 31/03/2019
Lãi suất vay	:	0,542%/tháng (tương đương 6,5%/năm), lãi suất sẽ thay đổi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước
Hình thức đảm bảo	:	Vay tín chấp.

**(c) Chi tiết vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Kỳ phiếu nội bộ	5.480.000.000	5.950.000.000
	<b>5.480.000.000</b>	<b>5.950.000.000</b>

Vay ngắn hạn của Công đoàn và cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng, lãi suất khoảng 0,41%/tháng.

**5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

		31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm (1)		180.215.351.385	107.237.519.037
Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (2)		135.350.112.000	36.735.000.000
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm		(25.637.279.652)	(25.637.279.652)
		<b>289.928.183.733</b>	<b>118.335.239.385</b>

(1) Đây là số dư khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm theo 02 hợp đồng sau:

		31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
- HĐTD Số 432/2012/HĐTD (*)		44.865.239.385	70.502.519.037
- HĐTD Số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO (**)		135.350.112.000	36.735.000.000
		<b>180.215.351.385</b>	<b>107.237.519.037</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 432/2012/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2012 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư dự án Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ Ôtô và nhà đậu xe cao tầng của bên B 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Thời hạn vay : 92 tháng
- Lãi suất vay : Lãi suất thả nổi
- Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất (bao gồm máy móc thiết bị của dự án xây dựng khu văn phòng khối A và nhà đậu xe cao tầng khối B hình thành trong tương lai (loại trừ thiết bị văn phòng), và toàn bộ quyền phải thu, quyền khai thác tài sản, lợi tức phát sinh từ tài sản đảm bảo tại 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 432/2012/HĐTC
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 443/2012/HĐTC.

(\*\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên:

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư Dự Án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và nhà ga Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh – Phường Bình Thới, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Vốn vay : Mỗi ngân hàng cam kết một khoản cho vay là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng)
- Thời hạn vay : 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất vay : Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ (trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm)
- Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ tài sản của Dự Án hình thành trong tương lai bao gồm nhưng không giới hạn (công trình xây dựng trên đất, máy móc thiết bị của Dự Án) quyền tài sản phát sinh của dự án bao gồm nhưng không giới hạn (quyền phát sinh từ các hợp đồng đầu ra, quyền kinh doanh khai thác bến xe, quyền phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm...)

(2) Là số dư của khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 139/HĐTD/VTB-VCB-SAMCO ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn và Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên – xem mục (\*\*).

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>Quỹ thưởng Ban điều hành</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư ngày 01/01/2018	251.784.711.882	774.825.493	252.559.537.375
Tăng từ lợi nhuận trong năm	23.674.227.685	544.540.500	24.218.768.185
Tăng khác trong năm	164.600.000	10.957.223	175.557.223
Chi quỹ trong năm	(40.970.830.459)	(851.565.667)	(41.822.396.126)
Số dư ngày 31/12/2018	<b>234.652.709.108</b>	<b>478.757.549</b>	<b>235.131.466.657</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2017	1.740.891.113.278	127.153.570.096	397.459.860.471	662.939	2.265.505.206.784
Kết chuyển khoản bù đắp giảm vốn điều lệ do cổ phần hóa công ty con	23.727.472.493	-	(23.727.472.493)	-	-
Điều chỉnh giảm vốn đối với giá trị tài sản cố định không cần dung	(9.759.705.256)	-	-	-	(9.759.705.256)
Điều chỉnh giảm vốn do chênh lệch	(600.000)	-	-	-	(600.000)
Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 339 của Thanh tra chính phủ	-	(1.903.469.494)	-	-	(1.903.469.494)
Lãi trong năm 2017	-	-	-	614.351.826.672	614.351.826.672
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	184.305.548.002	-	(184.305.548.002)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(65.078.752.896)	(65.078.752.896)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(838.639.750)	(838.639.750)
Giảm trong năm	-	-	(214.800.861.306)	-	(214.800.861.306)
Tặng khác	-	-	2.425.873.882	-	2.425.873.882
Kết chuyển lợi nhuận phải nộp cho chủ sở hữu	-	-	-	(364.129.548.963)	(364.129.548.963)
<b>Số dư 31/12/2017</b>	<b>1.754.858.280.515</b>	<b>309.555.648.604</b>	<b>161.357.400.554</b>	<b>-</b>	<b>2.225.771.329.673</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư 01/01/2018	1.754.858.280.515	309.555.648.604	161.357.400.554	-	2.225.771.329.673
Điều chỉnh theo kiểm toán Nhà nước	-	(6.032.156.931)	-	(14.075.032.840)	(20.107.189.771)
Số dư 01/01/2018 sau điều chỉnh	1.754.858.280.515	303.523.491.673	161.357.400.554	(14.075.032.840)	2.205.664.139.902
Tăng vốn trong năm nay	41.710.719.485	(41.710.719.485)	-	-	-
Lãi trong năm 2018	-	-	-	515.249.625.810	515.249.625.810
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	154.174.485.609	-	(154.174.485.609)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(23.674.227.685)	(23.674.227.685)
Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(544.540.500)	(544.540.500)
Tăng khác	-	-	501.229.749	-	501.229.749
Giảm do nộp về Ngân sách TP. Hồ Chí Minh	-	-	(156.542.677.238)	-	(156.542.677.238)
Giảm khác	-	-	(121.113)	-	(121.113)
Kết chuyển lợi nhuận phải nộp cho chủ sở hữu	-	-	-	(322.781.339.176)	(322.781.339.176)
<b>Số dư 31/12/2018</b>	<b>1.796.569.000.000</b>	<b>415.987.257.797</b>	<b>5.315.831.952</b>	<b>-</b>	<b>2.217.872.089.749</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Số dư chi tiết quỹ hỗ trợ sắp xếp các doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	-	61.604.582.629
Công ty CP Cơ Khí Ô Tô Thủ Đức	-	16.399.390.902
Công ty CP Cơ Khí Chiến Thắng	-	7.086.393.141
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	-	11.561.070.034
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	5.315.831.952	10.870.229.082
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	-	21.908.139.885
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Thành phố	-	3.003.921.075
Công ty CP Công Trình Giao Thông Quận 8	-	1.013.534.590
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu - Comeco	-	870.979.070
Chi trợ cấp thôi việc của các công ty cổ phần hóa	-	(418.022.004)
Lãi quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	27.457.182.150
	<b>5.315.831.952</b>	<b>161.357.400.554</b>

**5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018	01/01/2018
Đô la Mỹ (USD)	107.505,02	2.818,20

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	3.102.759.253.535	3.409.871.711.436
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	838.210.875.970	1.741.898.123.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	354.021.818.684	337.023.971.109
Doanh thu xây dựng	233.928.912.646	297.837.662.326
Doanh thu khác	69.544.762.143	78.335.077.130
	<b>4.598.465.622.978</b>	<b>5.864.966.545.411</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.598.465.622.978</b>	<b>5.864.966.545.411</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Trong đó, doanh thu các bên liên quan**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	22.925.180	-
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	-	1.090.000.001
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	151.378.511	176.824.237
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	57.831.478	1.439.057.501
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	18.703.636.364	42.573.986.538
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	22.094.023.404	11.314.835.967
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	-	51.255.774.257
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	9.736.519.680	7.513.626.648
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	4.873.930.920	14.251.600.124
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.432.405.467	7.819.753.236
Công ty CP Hoà Phú	15.253.998	213.057.533
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	28.412.402.197	-
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	89.323.559	88.745.825
Công ty CP Ô tô An Thái	42.501.614	10.373.295
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	105.400	842.727.273
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	6.408.200	6.555.591
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	10.264.800	755.581.382
	<b>85.648.910.772</b>	<b>1.703.983.366</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.976.008.715.531	3.303.485.952.289
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	763.457.434.261	1.586.259.556.411
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	314.827.269.424	292.651.485.048
Giá vốn xây dựng	218.962.013.888	283.931.435.743
Giá vốn bất động sản	5.007.486.983	10.977.535.849
Giá vốn khác	41.144.882.819	40.901.661.743
	<b>4.319.407.802.906</b>	<b>5.518.207.627.083</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	2.116.376.489	975.073.924
Lãi bán các khoản đầu tư	15.800.000	1.389.787.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	423.194.087.178
Xử lý tiền thu từ cổ phần hóa các công ty con	-	209.187.669.536
Lãi chênh lệch tỷ giá	56.182.891	230.352.890
Thu nhập tài chính khác	24.301.254	10.956.744
	<b>2.212.660.634</b>	<b>634.987.927.772</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	34.646.060.943	39.189.755.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.185.484	1.568.845.962
Trích lập / (hoàn nhập) dự phòng	20.656.887.961	(457.753.189)
Chi phí tài chính khác	-	182.223.739
	<b>55.337.134.388</b>	<b>40.483.071.707</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	30.513.673.003	55.314.105.142
Chi phí vật liệu	3.347.567.222	1.809.795.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.444.359.032	1.838.811.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.606.371.432	4.865.976.726
Chi phí bảo hành	5.450.688.262	3.402.393.373
Chi phí thuê đất, mặt bằng	20.956.129.428	11.010.031.378
Chi phí hoa hồng	11.268.617.759	12.792.734.649
Chi phí bảo hiểm	1.014.962.759	3.385.753.951
Chi phí bán hàng khác	83.541.553.861	83.248.530.849
	<b>165.143.922.758</b>	<b>177.668.132.426</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	69.120.762.789	143.724.410.942
Chi phí văn phòng phẩm	994.238.999	983.179.331
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.375.368.822	4.223.490.489
Chi phí khấu hao	7.199.535.610	7.385.090.119
Thuế, phí và lệ phí	494.914.146	684.082.032
Chi phí dự phòng	2.941.756.024	944.591.339
Trích quỹ khoa học công nghệ	-	7.400.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	43.040.222.631	30.155.911.577
	<b>128.166.799.021</b>	<b>195.500.755.829</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.079.628.585	823.920.444
Cổ tức, lợi nhuận được chia	556.885.580.969	-
Thu nhập từ tiền thưởng hoàn thành kế hoạch	7.278.966.070	29.291.138.231
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	5.316.080.879	20.190.518.225
Thu từ cho thuê mặt bằng	5.337.549.683	4.129.839.129
Thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng	588.996.400	848.030.475
Thu nhập khác	15.104.407.568	23.089.840.666
	<b>591.591.210.154</b>	<b>78.373.287.170</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí công trình	-	31.394.547
Chi phí tổ chức tham quan, học tập	-	860.063.058
Tiền phạt vi phạm hành chính	4.758.690.718	159.799.378
Chi phí khác	4.074.353.014	5.276.506.203
	<b>8.833.043.732</b>	<b>6.327.763.186</b>

**6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí hàng hóa thương mại	2.976.008.715.531	3.317.897.414.340
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng	1.250.821.749.803	1.809.912.888.948
Chi phí nhân viên	210.838.867.450	412.374.222.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.168.642.485	78.649.192.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.157.895.132	148.452.680.148
Chi phí khác	125.643.378.587	151.093.236.501
	<b>4.888.639.248.988</b>	<b>5.918.379.634.651</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.215.418.630.772	9.060.906.447.088
	<b>7.215.418.630.772</b>	<b>9.060.906.447.088</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.861.867.206.765	9.042.731.469.683
	<b>6.861.867.206.765</b>	<b>9.042.731.469.683</b>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương và thưởng	4.246.700.100	4.823.700.000

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Doanh thu dịch vụ sửa chữa	151.378.511	176.824.237
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	90.245.760.784	80.896.085.382
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Cổ tức	-	11.700.195.587
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	63.817.463.349	68.342.558.073
	Chi phí lãi vay	1.561.355.997	2.582.249.996
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.925.180	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết			
	Cổ tức	191.825.000	1.726.425.000
	Doanh thu bán xe	-	842.727.273
	Doanh thu dịch vụ	105.400	-
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn			
	Cổ tức	15.300.000.000	1.468.800.000
	Chi phí lãi vay	107.677.331	125.803.336
	Doanh thu dịch vụ	6.408.200	6.555.591
	Mua dịch vụ	-	14.181.818
Công ty CP Bến Xe Miền Tây			
	Cổ tức	-	5.100.000.000
	Doanh thu bán xe	-	1.044.545.455
	Doanh thu phụ kiện	-	45.454.546
	Chi phí lãi vay	1.955.800.000	1.887.050.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn			
	Doanh thu bán hàng	-	1.391.818.182
	Doanh thu dịch vụ	57.831.478	21.057.500
	Mua dịch vụ	822.976.840	18.688.405
	Doanh thu khác	-	26.181.819
	Cổ tức	13.237.560.000	7.354.200.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines			
	Cung cấp dịch vụ	104.876.185	80.824.468
	Doanh thu bán xe	18.703.636.364	42.480.909.091
	Lợi nhuận	-	2.550.000.000
	Doanh thu phụ tùng	15.492.074	12.252.979
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Doanh thu bán xe	22.050.000.004	9.594.545.455
	Doanh thu bán phụ tùng và cung cấp dịch vụ	44.023.400	1.720.290.512
	Mua dịch vụ	432.976.818	6.133.332.523

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
	Mua phụ tùng	1.573.100.000	3.344.880.000
	Phải trả khác	-	5.613.191.770
	Cổ tức	-	2.940.000.000
<b>Công ty CP Hoà Phú</b>			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.253.998	33.057.533
	Doanh thu cho thuê văn phòng	-	180.000.000
	Mua hàng	57.464.546	48.747.270
<b>Công ty CP Ô tô An Thái</b>			
	Lãi cho vay	-	9.527.777
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.501.614	10.373.295
	Mua dịch vụ	16.360.327	2.910.520
	Cổ tức	960.000.000	-
<b>Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco</b>			
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	9.736.519.680	6.331.594.752
	Thu nhập khác	1.098.417.843	1.106.801.150
	Mua hàng	9.925.574.205	7.382.502.600
	Doanh thu khác	-	75.230.746
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	28.055.200.000	35.302.000.000
<b>Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho</b>			
	Doanh thu bán xe	-	8.332.481.817
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.873.930.920	5.919.118.307
	Mua hàng	-	8.952.163.635
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	9.539.900.000	-
<b>Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây</b>			
	Doanh thu bán xe	28.404.545.445	-
	Mua hàng	5.821.000	12.163.950
	Cung cấp dịch vụ	7.856.752	-
<b>Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam</b>			
	Doanh thu dịch vụ	-	153.130.020
	Doanh thu bán xe	-	50.018.145.267
	Thu nhập khác	381.500.001	788.212.136
	Mua hàng	-	45.652.056.496
	Doanh thu khác	-	296.286.834
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	255.522.000.000	170.175.000.000
<b>Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2</b>			
	Mua hàng	38.024.090.906	70.175.291.479
	Doanh thu bán xe	-	741.818.182
	Doanh thu sửa xe	10.264.800	13.763.200
	Cổ tức	2.037.328.800	3.713.202.140
	Mua dịch vụ	25.336.364	-

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2018 VND</b>	<b>Năm 2017 VND</b>
<b>Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam</b>			
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.141.496.376	1.783.422.576
	Mua hàng	768.047.701.731	856.228.420.072
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	73.201.343.888	16.399.609.200
	Doanh thu khác	290.909.091	6.036.330.660
	Chi phí khác	-	59.727.257
<b>Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn</b>			
	Doanh thu bán phụ tùng	34.899.524	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.424.035	88.745.825
	Lợi nhuận chuyển về Tổng Công ty	4.777.199.148	-
<b>Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn</b>			
	Thu tiền hoàn thiện công trình	75.815.799	-

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé</b>			
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	90.568.332.949	84.105.541.288
<b>Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông</b>			
	Phải thu thương mại	2.724.920	-
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	42.265.989.011	67.994.135.716
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(54.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(290.345.999)
<b>Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn</b>			
	Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.128.502.993	3.204.318.792
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863
<b>Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn</b>			
	Trả trước người bán ngắn hạn	500.000	500.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(2.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(10.684.667)
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức	10.200.000.000	-
<b>Công ty CP Bến Xe Miền Tây</b>			
	Phải thu thương mại	-	2.600.000
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức được chia	-	2.550.000.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
	Phải trả ngắn hạn khác – lãi vay	(168.020.000)	(160.270.000)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Phải trả người bán ngắn hạn	(184.982.947)	-
Công ty CP Xe khách & Dịch vụ Miền Tây	Người mua trả tiền trước	(20.000.000)	-
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	Phải thu ngắn hạn khách hàng	12.883.576	17.412.000.000
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	(11.907.903.124)
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(430.410.000)
	Phải thu ngắn hạn khác – lợi nhuận được chia	-	2.550.000.000
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khách hàng	24.283.634.324	2.920.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức	-	2.940.000.000
	Phải trả người bán ngắn hạn	(328.119.068)	(59.450.000)
	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(5.613.191.770)	(5.613.191.770)
	Ký quỹ	30.000.000	-
Công ty CP Cảng Phú Định	Phải trả ngắn hạn khác	(50.000)	-
Công ty CP Hoà Phú	Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.000.000.000	12.000.000.000
	Nhận ký quỹ dài hạn	-	(30.000.000)
	Phải trả người bán ngắn hạn	(36.149.000)	(48.747.270)
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	164.745.651	102.052.034
	Phải trả người bán ngắn hạn	(604.512.154)	(513.840.922)
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(103.298.249.405)	(108.573.053.633)
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(45.970.741.577)	(48.159.824.513)
Công ty CP Ô tô An Thái	Phải trả người bán	(2.010.498)	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Phải thu về cho vay ngắn hạn	366.286.634	366.286.634
	Phải thu ngắn hạn khác	123.605.791	123.605.791
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.764.290	30.137.360
	Phải thu ngắn hạn khác	-	1.090.909.091
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	148.715.584
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Phải trả người bán ngắn hạn	(2.346.545.454)	(4.266.363.638)
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	430.900.000	3.406.427.270

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.164.076.695	1.918.566.167
	Phải thu ngắn hạn khác	381.394.079	119.953.511
	Phải trả người bán ngắn hạn	(30.464.917.800)	(57.340.269.401)
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.292.019.547	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Phải thu ngắn hạn khác – cổ tức	-	959.125.000

**8.2 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

**8.3 Cam kết thuê**

**Hợp đồng thuê**

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm sau:

<b>Địa điểm thuê</b>	<b>Thời gian thuê</b>	<b>Diện tích đất thuê</b>
• Số 262 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	01/01/1996-01/01/2046	5.336,00 m <sup>2</sup>
• Số 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	23/06/1999-01/01/2046	5.682,00 m <sup>2</sup>
• Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	20/01/1996-20/01/2020	318,40 m <sup>2</sup>
• Số 708 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6	05/12/2005-05/12/2020	1.224,00 m <sup>2</sup>
• Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10	13/08/2007-13/08/2057	846,10 m <sup>2</sup>
• Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	13/09/2013-01/01/2046	8.473,40 m <sup>2</sup>
• Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	04/08/2003-04/08/2053	638,00 m <sup>2</sup>
• Số 79, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	01/12/2006 - 31/12/2020	5.833,75 m <sup>2</sup>
• Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9	ngắn hạn	8.078,50 m <sup>2</sup>
• Số 121-139 Cô Giang, Quận 1	21/05/2009 - 21/05/2059 (*)	13.479,90 m <sup>2</sup>
• 1135.QL1A, P. Tân Tạo, Quận Bình Tân	15/06/1998 - 15/06/2048	3.592,00 m <sup>2</sup>
• 1450 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6	03/03/2009 - 03/03/2059	179,70 m <sup>2</sup>
• Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1	16/06/2003 - 16/06/2053	48.232,00 m <sup>2</sup>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
• Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 2	26/05/2009 - 22/07/2054	7.375,30 m <sup>2</sup>
• Lô số E3, E4, đường số 10, Cụm Công nghiệp Cơ khí Ô tô TP. Hồ Chí Minh, Xã Hòa Phú, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	15/12/2009 - 06/09/2057	38.674,00 m <sup>2</sup>
• Số 464, Kinh Dương Vương, Phường An Phước, Quận Bình Tân	01/03/2016 - 28/02/2026	3.890,00 m <sup>2</sup>

(\*) Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất 03 năm kể từ tháng 09 năm 2011 theo thông báo tạm miễn tiền thuê đất số 8672/TB-CT-QLĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b> VND	<b>01/01/2018</b> VND
Trong vòng một năm	14.504.735.866	14.213.060.176
Trong vòng hai đến năm năm	52.625.993.788	52.686.491.264
	<b>67.130.729.654</b>	<b>66.899.551.440</b>

**8.4 Thông tin so sánh**

Tổng Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ theo kết quả kiểm tra của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước. Ảnh hưởng của việc trình bày lại cụ thể như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	Mã số	Số dư 31/12/2017 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số dư 31/12/2017 sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khác	136	192.908.482.270	(19.264.306.459)	173.644.175.811	
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>					
Nguyên giá	222	1.047.949.151.923	380.269.196	1.048.329.421.119	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(361.958.114.620)	(82.831.784)	(362.040.946.404)	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	507.124.772.823	(1.237.763.000)	505.887.009.823	
Chi phí trả trước dài hạn	261	72.390.566.458	4.257.334.074	76.647.900.532	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	259.710.618.634	(1.237.763.000)	258.472.855.634	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	295.773.792.967	5.632.553.147	301.406.346.114	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.346.459.785	(234.898.349)	2.111.561.436	
Quỹ đầu tư phát triển	418	309.555.648.604	(6.032.156.931)	303.523.491.673	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	(14.075.032.840)	(14.075.032.840)	

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Mã số	Năm 2017 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2017 Sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.869.043.322.270	(4.076.776.859)	5.864.966.545.411	
Giá vốn hàng bán	11	5.521.899.988.350	(3.692.361.267)	5.518.207.627.083	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	659.077.890.489	(24.089.962.717)	634.987.927.772	
Chi phí bán hàng	25	179.334.341.904	(1.666.209.478)	177.668.132.426	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	195.504.254.551	(3.498.722)	195.500.755.829	
Thu nhập khác	31	74.271.788.821	4.101.498.349	78.373.287.170	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44.491.755.210	1.128.094.192	45.619.849.402	


**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**



	Mã số	Năm 2017 trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2017 Sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế (Tăng), giảm các khoản phải thu	01 09	658.843.581.882 (74.988.456.567)	(18.703.171.760) 20.121.800.263	640.140.410.122 (54.866.656.304)	
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Tăng)/giảm chi phí trả trước	11 12	(199.992.052.476) (30.841.413.040)	2.755.873.787 (4.257.334.074)	(197.236.178.689) (35.098.747.114)	

**8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ  
Người lập biểu

  
PHẠM HOÀNG HIỆP  
Kế toán trưởng

  
  
HỒ TRỌNG TIỀN  
Phó Tổng giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019